

Inspiron 14

3000 Series

Quick Start Guide

Panduan Pengaktifan Cepat
Guía de inicio rápido
Hướng dẫn khởi động nhanh
دليل البدء السريع



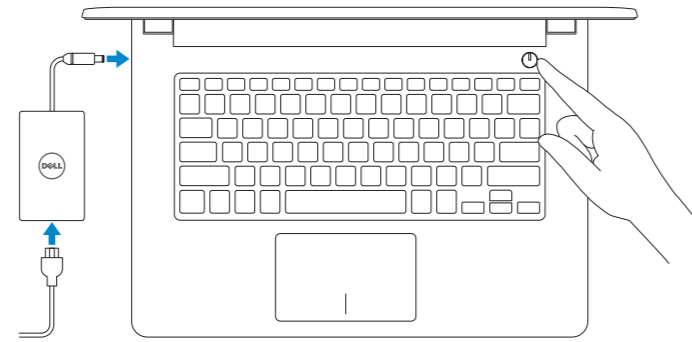
1 Connect the power adapter and press the power button

Hubungkan adaptor daya dan tekan tombol daya

Conecte el adaptador de energía y presione el botón de encendido

Kết nối với bộ chuyển đổi nguồn điện và nhấn nút nguồn

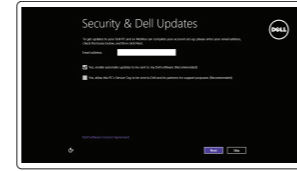
توصيل مهايئ التيار والضغط على زر التشغيل



2 Finish Windows setup

Tuntaskan penataan Windows | Finalice la configuración de Windows

Hoàn tất cài đặt Windows | Windows إنهاء إعداد



Enable security and updates

Aktifkan keamanan dan pembaruan

Activar seguridad y actualizaciones

Bật tính năng bảo mật và cập nhật

قم بتمكين الأمان والتحديثات



Connect to your network

Sambungkan ke jaringan Anda

Conectar a su red

Kết nối vào mạng của bạn

الاتصال بالشبكة

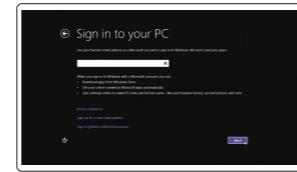
NOTE: If you are connecting to a secured wireless network, enter the password for the wireless network access when prompted.

CATAN: Jika Anda menghubungkan ke jaringan nirkabel aman, masukkan kata sandi untuk akses jaringan nirkabel tersebut saat diminta.

NOTA: Si se está conectando a una red inalámbrica segura, introduzca la contraseña para el acceso a la red inalámbrica cuando se le solicite.

GHI CHÚ: Nếu bạn đang kết nối với một mạng không dây bảo mật, hãy nhập mật khẩu để truy cập mạng không dây khi được nhắc.

ملاحظة: عند الاتصال بشبكة لاسلكية آمنة، أدخل كلمة المرور للدخول للشبكة اللاسلكية عندما يطلب ذلك.



Sign in to your Microsoft account or create a local account

Masuk ke akun Microsoft Anda atau buat akun lokal

Iniciar sesión en su cuenta de Microsoft o crear una cuenta local

Đăng nhập vào tài khoản Microsoft của bạn và tạo tài khoản trên máy tính

قمب تسجيل الدخول إلى حساب Microsoft أو قم بإنشاء حساب محلي

Locate your Dell apps

Cari lokasi aplikasi Dell Anda

Localice sus aplicaciones Dell

Xác định vị trí các ứng dụng Dell của bạn

تحديد مكان تطبيقات جهاز Dell الخاص بك



Register your computer

Daftarkan komputer Anda | Registrar su equipo

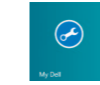
Đăng ký máy tính của bạn | قم بتسجيل الكمبيوتر



Dell Backup and Recovery

Pencadangan dan Pemulihan Dell | Respaldo y Recuperación de Dell

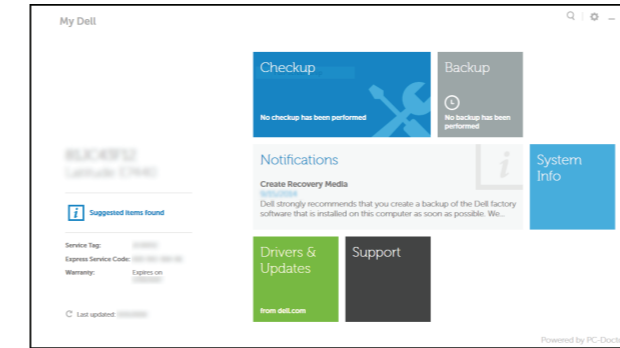
Sao lưu và Phục hồi Dell | Dell Backup and Recovery



My Dell

Dell Saya | Mi Dell

Dell của tôi | جهاز Dell الخاص بي



Learn how to use Windows

Pelajari cara menggunakan Windows | Cómo usar Windows

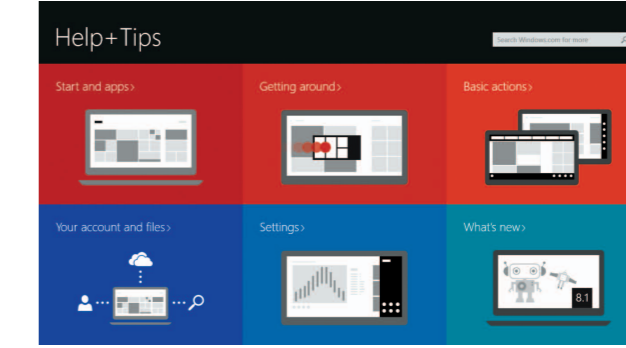
Tìm hiểu cách sử dụng Windows | Windows تعرف على كيفية استخدام



Help and Tips

Bantuan dan Tips | Ayuda y consejos

Trợ giúp và Mẹo | تعليمات وتلميحات



Product support and manuals

Manual dan dukungan produk

Manuales y soporte técnico de productos

Hỗ trợ sản phẩm và sách hướng dẫn

دعم المنتج والدلائل الخاصة به

dell.com/support

dell.com/support/manuals

dell.com/windows8

Contact Dell

Hubungi Dell | Póngase en contacto con Dell

Liên hệ Dell | Dell الاتصال بـ

dell.com/contactdell

Regulatory and safety

Regulasi dan keselamatan | Normativa y seguridad

Quy định và an toàn | ممارسات الأمان والممارسات التنظيمية

dell.com/regulatory_compliance

Regulatory model

Model Regulatori | Modelo normativo

Model quy định | النموذج التنظيمي

P60G

Regulatory type

Jenis regulatori | Tipo normativo

Loại quy định | النوع التنظيمي

P60G001

P60G002

Computer model

Model komputer | Modelo de equipo

Model máy tính | نموذج الكمبيوتر

Inspiron 14-3451

Inspiron 14-3458

© 2014 Dell Inc.

© 2014 Microsoft Corporation.



OC9JHFA00

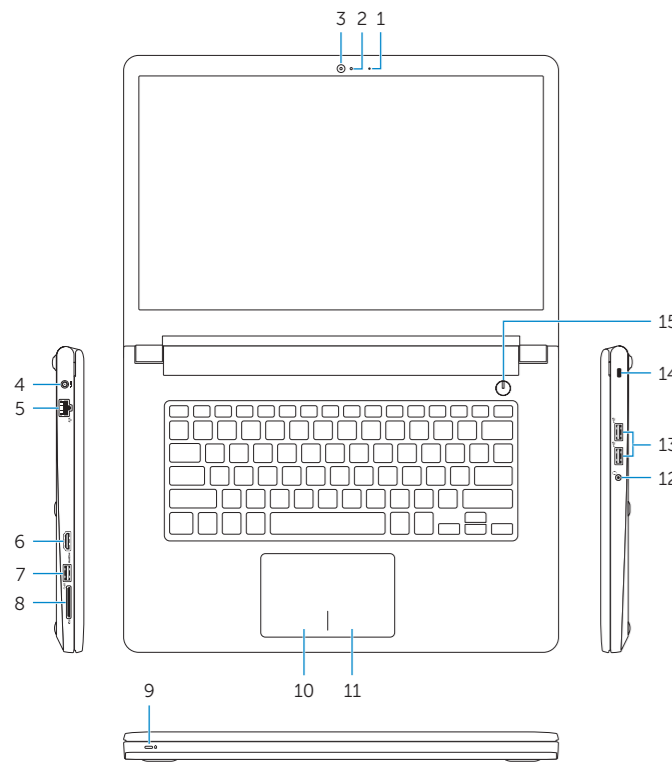


Printed in China.

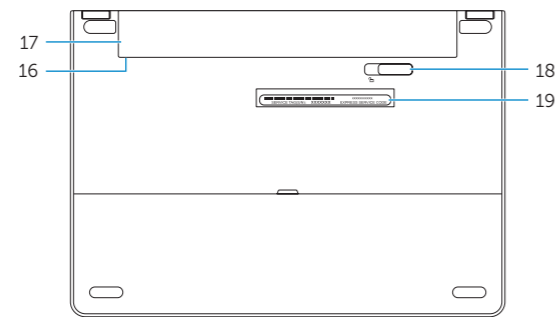
2014-11

Features

Fitur | Funciones | Tính năng | الميزات



- | | |
|---|---------------------------------------|
| 1. Microphone | 10. Left-click area |
| 2. Camera-status light | 11. Right-click area |
| 3. Camera | 12. Headset port |
| 4. Power-adapter port | 13. USB 2.0 ports (2) |
| 5. Network port (Inspiron 3458 only) | 14. Security-cable slot |
| 6. HDMI port | 15. Power button |
| 7. USB 3.0 port | 16. Regulatory label (in battery bay) |
| 8. Media-card reader | 17. Battery |
| 9. Power and battery-status light/ hard-drive activity light | 18. Battery-release latch |
| | 19. Service Tag label |



- | | |
|--|--|
| 1. Mikrofon | 10. Area klik kiri |
| 2. Lampu status kamera | 11. Area klik kanan |
| 3. Kamera | 12. Port headset |
| 4. Port adaptor daya | 13. Port USB 2.0 (2) |
| 5. Port jaringan (Inspiron 3458 saja) | 14. Slot kabel pengaman |
| 6. Port HDMI | 15. Tombol daya |
| 7. Port USB 3.0 | 16. Label regulatori (dalam bay baterai) |
| 8. Pembaca kartu media | 17. Baterai |
| 9. Lampu status daya dan baterai/ lampu aktivitas hard disk | 18. Kait pelepas baterai |
| | 19. Label Tag Servis |

- | | |
|---|--|
| 1. Micrófono | 10. Área de clic izquierdo |
| 2. Indicador luminoso de estado de la cámara | 11. Área de clic derecho |
| 3. Cámara | 12. Puerto de audífonos |
| 4. Puerto de adaptador de alimentación | 13. Puertos USB 2.0 (2) |
| 5. Puerto de red (solo Inspiron 3458) | 14. Ranura del cable de seguridad |
| 6. Puerto HDMI | 15. Botón de encendido |
| 7. Puerto USB 3.0 | 16. Etiqueta normativa (en el compartimento de la batería) |
| 8. Lector de tarjetas multimedia | 17. Batería |
| 9. Indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/Indicador luminoso de actividad de la unidad del disco duro | 18. Pasador de liberación de la batería |
| | 19. Etiqueta de servicio |

- | | |
|---|------------------------------------|
| 1. Micrô | 10. Vùng nhấp trái |
| 2. Đèn trạng thái camera | 11. Vùng nhấp phải |
| 3. Camera | 12. Cổng tai nghe |
| 4. Cổng bộ chuyển đổi nguồn điện | 13. Cổng USB 2.0 (2) |
| 5. Cổng mạng (chỉ có ở Inspiron 3458) | 14. Khe cáp bảo vệ |
| 6. Cổng HDMI | 15. Nút nguồn |
| 7. Cổng USB 3.0 | 16. Nhãn quy định (trong khay pin) |
| 8. Khe đọc thẻ nhớ | 17. Pin |
| 9. Đèn tình trạng nguồn và pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng | 18. Chốt nhả pin |
| | 19. Nhãn Thẻ bảo trì |

- | | |
|--|------------------------|
| 1. الميكروفون | 10. منطقة النقر الأيسر |
| 2. مصباح حالة الكاميرا | 11. منطقة النقر الأيمن |
| 3. الكاميرا | 12. منفذ سماعة الرأس |
| 4. منفذ مهابى التيار | 13. منفذ USB 2.0 (2) |
| 5. منفذ الشبكة (Inspiron 3458 فقط) | 14. مقبس كابل الحماية |
| 6. منفذ HDMI | 15. زر التشغيل |
| 7. منفذ USB 3.0 | 16. قفل تحرير البطارية |
| 8. قارئ بطاقات الوسائط | 17. ملصق رمز الخدمة |
| 9. ضوء حالة البطارية والطاقة/ضوء نشاط محرك الأقراص الثابتة | |
| 10. منطقة النقر الأيسر | |
| 11. منطقة النقر الأيمن | |
| 12. منفذ سماعة الرأس | |

Shortcut keys

Tombol pintasan | Teclas de acceso directo

Phím tắt | مفاتيح الاختصار

- | | |
|------------|---|
| F1 | Mute audio Mematikan audio Silenciar el audio Tắt âm كتم الصوت |
| F2 | Decrease volume Menurunkan volume Bajar el volumen Giảm âm lượng خفض مستوى الصوت |
| F3 | Increase volume Meningkatkan volume Subir el volumen Tăng âm lượng رفع مستوى الصوت |
| F4 | Play previous track/chapter Memutar trek/bab sebelumnya Reproducir pista o capítulo anterior Phát bản nhạc/chương trước đó تشغيل المسار/الفصل السابق |
| F5 | Play/Pause Memutar/Menjeda Reproducir/Pausar Phát/Tạm dừng تشغيل/إيقاف مؤقت |
| F6 | Play next track/chapter Memutar trek/bab selanjutnya Reproducir pista o capítulo siguiente Phát bản nhạc/chương kế tiếp تشغيل المسار/الفصل التالي |
| F8 | Switch to external display Mengalihkan ke display eksternal Cambiar a la pantalla externa «Chuyển đổi sang màn hình hiển thị bên ngoài التبديل إلى الشاشة الخارجية |
| F9 | Open Search charm Membuka tombol Pencarian Abrir acceso buscar Mở nút Tìm kiếm افتح اختصار البحث |
| F11 | Decrease brightness Menurunkan kecerahan Disminuir brillo Giảm độ sáng تخفيض مستوى السطوع |
| F12 | Increase brightness Meningkatkan kecerahan Aumentar brillo Tăng độ sáng رفع مستوى السطوع |

- | | |
|---------------------------|--|
| Fn + Esc | Toggle Fn-key lock Mengalihkan kunci tombol Fn Alternar bloqueo de la tecla Fn Bật tắt khóa phím Fn Fn قفل مفتاح تبديل |
| Fn + PrtScr | Turn off/on wireless Mengaktifkan/menonaktifkan nirkabel Activar/desactivar la función inalámbrica Tắt/mở mạng không dây تشغيل/إيقاف تشغيل الاتصال اللاسلكي |
| Fn + Insert | Sleep Tidur Suspensión Chế độ ngủ السكون |
| Fn + H | Toggle between power and battery-status light/hard-drive activity light Mengalihkan antara lampu status baterai dan daya/lampu aktivitas hard disk Alternar entre el indicador luminoso de estado de la batería y de alimentación/indicador luminoso de actividad del disco duro Bật tắt giữa đèn nguồn và đèn tình trạng pin/đèn hoạt động ổ đĩa cứng التبديل بين مصباح التشغيل وحالة البطارية/مصباح نشاط محرك الأقراص الثابتة |
- NOTE:** For more information, see [Specifications at dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- CATATAN:** Untuk informasi selengkapnya, lihat [Spesifikasi di dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- NOTA:** Para más información, consultar [Especificaciones en dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy xem [Thông số kỹ thuật tại dell.com/support](https://www.dell.com/support).
- ملاحظة:** لمزيد من المعلومات، انظر [المواصفات على العنوان dell.com/support](https://www.dell.com/support).